

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HSST

Ngày: 28/5/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Lưu.

2. Ông Đỗ Văn Hòa.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thái Hà, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2020/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST – HS ngày 13/5/2020 đối với bị cáo:

1. Bùi Thanh A (Tên gọi khác: B), Sinh ngày: 26/10/1991 tại BT; HKTT: khu phố C, phường D, TP. PT, tỉnh BT; Chỗ ở: Khu phố E, phường F, TP. PT, tỉnh BT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động biển; Con ông: Bùi Thanh G, sinh năm 1967, nghề nghiệp: Xe ôm, Trú tại: Khu phố E, phường F, TP. PT, tỉnh BT; Con bà: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969, nghề nghiệp: Làm thuê, Trú tại: khu phố I, J, TP. PT, tỉnh BT; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: + Ngày 14/10/2010, bị TAND TP. PT xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (theo bản án số 52/2010/HSST). Ngày 10/02/2011, chấp hành xong hình phạt tù, + Ngày 26/4/2012, bị TAND huyện K, tỉnh BT xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (theo bản án số 29/2012/HSST). Ngày 12/12/2012 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an TP. PT “Có mặt”.

2. Lê Văn L; Sinh năm 1987 tại BT, HKTT và chỗ ở: khu phố M, phường D, TP. PT, tỉnh BT; Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động biển; Con ông: Lê N, sinh năm 1963, nghề nghiệp: Lao động biển; Con bà Phạm Thị O, sinh năm 1963, nghề nghiệp: Nội trợ, Cùng trú tại: khu phố M, phường D, TP. PT, tỉnh BT; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Có mặt”.

***/Người bị hại:**

1/Ông Võ Tấn P, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố M, phường D, thành phố PT, tỉnh BT.

2/Ông Trương Ngọc Q, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn R, xã S, huyện T, tỉnh BT.

***/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Võ Thành U, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố V, phường J, thành phố PT, tỉnh BT.

***/Người làm chứng:**

1/Lê Thị W, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố M, phường D, thành phố PT, tỉnh BT.

2/Bùi Thanh G, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố E, phường F, thành phố PT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/6/2019 đến ngày 31/10/2019, Bùi Thanh A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố PT. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ ngày 29/6/2019, Bùi Thanh A mượn xe mô tô (không nhớ biển số) của ông Bùi Thanh G (là ba của A, sinh năm 1967, trú tại khu phố E, phường F, TP. PT) chở bạn gái là Lê Thị W (sinh năm 1999, trú tại khu phố M, phường D, TP. PT) qua phòng trọ của người quen tên X (không rõ nhân thân) ở số 199 đường Y, khu phố Z, phường AA, TP. PT để mượn tiền. Đến nơi thì thấy cửa phòng trọ đã khóa nên A quay xe ra về. Khi đi đến gần cổng thì A phát hiện phòng trọ số 1 do anh Võ Tấn P (sinh năm 1997, trú tại khu phố M, phường AA, TP PT) thuê đang mở cửa phòng nên nảy định ý định trộm cắp tài sản. A điều khiển xe ra ngoài cổng rồi dừng xe lại và nói W đứng chờ. Sau đó, A đi bộ vào lại khu nhà trọ và lén lút đột nhập vào phòng trọ số 1 thì thấy anh P đang ngủ, dưới chân có 01 chiếc bàn nhỏ, trên bàn có 01 laptop hiệu Dell và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy G7. A lén lút lấy trộm 02 tài sản trên, chiếc điện thoại bỏ vào trong túi quần còn laptop cầm trên tay rồi đi ra khỏi nhà trọ, đến nơi W đang chờ và đưa laptop cho W ngồi phía sau giữ. Sau đó A điều khiển xe mô tô chở W về nhà của A ở khu phố E, phường F, TP. PT. Trên đường đi, W hỏi A laptop ở đâu mà có, A trả lời lấy trộm của người ta thì W chửi và nói A đem trả lại tài sản nhưng A nói lỡ rồi, không trả lại được thì W không nói gì nữa. Khi về đến nhà thì A giấu chiếc điện thoại vừa lấy trộm được vào trong thùng gạo, còn laptop A bỏ vào trong ba lô của mình cất trong phòng. Đến buổi chiều cùng ngày thì có BB (không rõ nhân thân) là bạn của A đến chơi nên A đưa laptop nhờ BB xem có bị hư hỏng gì không. BB xem một lúc thì đưa lại cho A.

Sau khi phát hiện chiếc laptop hiệu Dell và chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy G7 bị mất, anh P mở định vị lên thì phát hiện chiếc laptop của mình báo định vị tại địa chỉ số 77 đường CC nên đã đến Công an phường AA trình báo sự việc. Khi lực lượng công an đến kiểm tra, A thấy vậy thì chạy vào phòng lấy ba lô chứa laptop đem ra cất giấu sau bếp ga, còn chiếc điện thoại lấy trộm được vẫn giấu trong thùng gạo. Sau đó, Công an phường AA đã thu giữ tang vật và đưa

A, W về trụ sở làm việc. Căn cứ vào lời khai của W, qua đấu tranh, A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 133/KL-HĐĐG ngày 12/7/2019, Hội đồng định giá xác định:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy G7, số Imei: 352810096999509/01 trị giá 3.000.000 đồng.

- 01 máy tính xách tay hiệu Dell, Inter ® Core (TM) i5-5200U – Ram 4GB trị giá 5.000.000 đồng

Tổng cộng 8.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy G7, màn hình bên trái bị bể, số imel: 352810096999509/01.

- 01 máy tính xách tay hiệu Dell.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số imel 1: 357766079153628/01, số imel 2: 357766079153626/01.

- 01 điện thoại di động hiệu ITEL, số imel 1: 354942077917628, số imel 2: 354942077917636.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung không còn hoạt động.

- 01 ví da, bên trong có 4.000 đồng.

- 01 ba lô bằng vải.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 31/10/2019, Bùi Thanh A điều khiển xe mô tô biển số 86C1-538.XX của Lê Văn L chở L từ khu phố E, phường F, TP. PT đi đến phường D, TP. PT để xin sò về nhậu. Khi đi đến khu vực đường hẻm trên đường Hàn Mặc Tử thuộc khu phố Z, phường D thì A phát hiện có chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển số 86Z1-35XX của anh Trương Ngọc Q (sinh năm: 1994, trú tại: thôn R, xã S, huyện T, tỉnh BT) đang dựng sát lề đường, chìa khóa còn cắm trên ổ khóa xe, xung quanh không có người trông coi nên A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A dừng xe lại và nói L chạy xuống bãi sò trước còn A đi công việc, L đồng ý và điều khiển xe mô tô của mình đi. Sau đó, A lén lút tiếp cận chiếc xe mô tô biển số 86Z1-35XX, mở khóa và điều khiển xe mô tô trên về lại nhà của mình ở khu phố E, phường F. A lau chùi xe rồi tháo biển số 86Z1-35XX bỏ vào trong cốp xe. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô của mình quay lại nhà của A, A rủ L đi lên xã CC, huyện T, tỉnh BT để thăm con gái của A thì L đồng ý. Sau đó, A điều khiển xe mô tô vừa mới trộm được còn L điều khiển xe mô tô biển số 86C1-538.XX của mình. Trên đường đi, L hỏi A chiếc xe đang đi là của ai thì A trả lời: “Xe vừa trộm ở D”, L không nói gì và đi tiếp. Lúc này, L điều khiển xe đi trước còn A đi sau, khi đi đến khu vực cầu DD thì A lấy biển số 86Z1-35XX giấu trong cốp xe ném xuống cầu và đến vừa ve chai gần đó mua 01 biển số xe 86S1-14XX với giá 40.000 đồng rồi gắn vào chiếc xe mô tô trộm cắp. Sau đó, A tiếp tục chạy đến CC thăm con. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, A và L ra về, lúc này A nảy sinh ý định cầm thế chiếc xe hiệu Sirius vừa trộm được nên rủ L đi cùng thì L đồng ý. A chạy trước và đến nhà Võ Thành U (sinh năm: 1988, trú tại: Khu phố V, phường J, TP. PT) nói với U là ông anh muốn thế xe khoảng vài ngày thì chuộc lại do hết tiền xài

thì U đồng ý. Khoảng 05 phút sau thì L tới, A nói với L vì U quen biết mẹ của A, A sợ U kể với mẹ thì sẽ bị mẹ chửi nên nhờ L đứng tên cầm thế giữ thì L đồng ý. A dẫn L nói với U xe này là xe của nhà L, giấy tờ xe mẹ L để trong tủ, thế xe hai ba ngày thì chuộc lại. Sau đó, A dẫn U ra trước nhà gặp L và nói cho L thế xe. U kiểm tra xe và hỏi L: “Xe này của ai, có giấy tờ không?” thì L trả lời giống như A đã dẫn. U nghe vậy thì không hỏi gì thêm và đồng ý cầm thế với giá 2.000.000 đồng. A thấy ít nên nói với U: “Cầm thêm tí nữa đi anh” thì U đồng ý và cầm với giá 2.500.000 đồng. U yêu cầu L chụp hình với chiếc xe mô tô và hỏi tên để ghi vào giấy cầm đồ. Do biết xe mô tô mà A nhờ cầm thế giữ là xe trộm cắp, L sợ nên không dám dùng tên thật mà nói tên là Nguyễn Văn Tuấn. Sau đó, U đưa cho L 2.250.000 đồng, lấy tiền lãi trước 250.000 đồng. L đưa cho A số tiền vừa cầm thế được rồi cả hai đến quán EE trên đường FF thuộc phường F, TP. PT ăn uống hết khoảng hơn 1.000.000 đồng. Khi về đến nhà A thì A đưa cho L 300.000 đồng nhưng L chỉ lấy 100.000 đồng là số tiền A đã mượn L, còn 200.000 đồng L cho ba của A. Số tiền còn lại A đã tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện xe mô tô biển số 86Z1-35XX bị mất, anh Trương Ngọc Q đã đến Công an phường D trình báo vụ việc. Qua rà soát đối tượng nghi vấn, Công an phường D đã đưa L về trụ sở làm việc. Căn cứ vào lời khai của L, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT đã mời A về trụ sở làm việc. A và L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên, đồng thời chỉ nơi cầm thế xe cho Cơ quan Công an tiến hành thu giữ.

Kết luận định giá tài sản số 265/KL-HĐĐG ngày 13/12/2019, Hội đồng định giá xác định: *01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 86Z1-35XX, số máy: 5C63-085433, số khung: C6308Y085433 trị giá 8.000.000 đồng.*

Vật chứng của vụ án:

01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius được gắn biển số 86S1-14XX, số máy: 5C63-085433, số khung: C6308Y085433.

Tại bản cáo trạng số 55/CT – VKS ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT đã truy tố Bùi Thanh A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà” theo quy định tại khoản 01 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 01 Điều 173; điểm g khoản 01 Điều 52, điểm s khoản 01 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Áp dụng khoản 01 Điều 323; điểm b, i, s khoản 01, khoản 02 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.

Biện pháp tư pháp:

Bị hại có đơn xin xử vắng mặt thể hiện đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự.

Đối với Lê Thị W: Mặc dù biết A lấy trộm điện thoại và laptop nhưng không báo Công an. Do A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự nên không đủ căn cứ để xử lý W về hành vi không tố giác tội phạm.

Đối với Võ Thành U do không biết chiếc xe mô tô được gắn biển số 86S1-14XX là tài sản có nguồn gốc phạm pháp nên không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT không có cơ sở xử lý hình sự là đúng theo quy định pháp luật.

Đối với biển số xe 86S1-14XX do A mua ở chợ ve chai và gắn vào chiếc xe mô tô của anh Q: kết quả xác minh xác định đây là biển đăng ký được cấp cho xe mô tô có số máy: VME152FMH-C092144, số khung: RMEWCHLME7A092144. Đây là tài sản thuộc sở hữu của ông Lê Văn GG (sinh năm 1967, trú tại: HH, II, huyện JJ, tỉnh BT). Vào năm 2012, ông GG đã cho chiếc xe này cho cháu của ông là anh Lê Hồng KK (sinh năm 1978, trú tại: khu phố Z, phường Phú Tài, TP. PT). Hiện nay do chưa làm việc được với anh KK nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT tiếp tục tạm giữ để xác minh. Khi nào làm rõ sẽ xử lý sau

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa cũng như không có ý kiến về lời luận tội của Viện kiểm sát đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập theo quy định của pháp luật có tại hồ sơ đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/6/2019 đến ngày 31/10/2019, Bùi Thanh A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố PT. Tổng trị giá tài sản A chiếm đoạt là 16.000.000 đồng:

- Vụ thứ nhất: vào khoảng 08 giờ ngày 29/6/2019, tại khu nhà trọ thuộc khu phố Z, phường AA, TP. PT, Bùi Thanh A lén lút đột nhập vào phòng trọ số 1 đang mở cửa do Võ Tấn P thuê, lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy G7 và 01 máy tính xách tay hiệu Dell với tổng giá trị là 8.000.000 đồng.

- Vụ thứ hai: vào khoảng 13 giờ ngày 31/10/2019, tại khu phố Z, phường D, TP. PT, Bùi Thanh A đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 86Z1-35XX trị giá 8.000.000 đồng của anh Trương Ngọc Q.

Đối với Lê Văn L có hành vi đứng tên cầm thế chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 86Z1-35XX giùm cho Bùi Thanh A. Mặc dù biết rõ tài sản này có nguồn gốc phạm pháp nhưng L vẫn đồng ý giúp A cầm thế chiếc xe mô tô trên cho Võ Thành U với giá 2.500.000 đồng, sau đó A mời L đi ăn uống và cho L 300.000 đồng.

Như vậy, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo A đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” thuộc trường hợp tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Văn L biết rõ tài sản do A trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp đem đi tiêu thụ đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định khoản 01 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Do đó, Bản cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố PT truy tố bị cáo Bùi Thanh A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 01 Điều 323 Bộ luật hình sự như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cho thấy, bị cáo A ý thức được quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thế nhưng vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải lao động cực nhọc nên bị cáo A đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của người khác, thỏa mãn nhu cầu vật chất cá nhân, bất chấp pháp luật. Đối với bị cáo Lê Văn L biết rõ tài sản do A trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp A đem đi tiêu thụ. Hành vi của bị cáo L không chỉ trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng mà còn tạo điều kiện khuyến khích những người khác đi vào con đường phạm tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm nhằm đề răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo A đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 01 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: đối với bị cáo A

+ Ngày 14/10/2010, bị TAND TP. PT xử phạt 18 tháng tù giam về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

+ Ngày 26/4/2012, bị TAND huyện K, tỉnh BT xử phạt 12 tháng tù giam về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” thế nhưng vẫn không biết tu tỉnh sửa chữa làm ăn lương thiện mà vẫn tiếp tục phạm tội thể hiện bản chất khó giáo dục, cải tạo. Do đó, đối với bản án này hình phạt đối với bị cáo cũng cần phải nghiêm khắc.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 01 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Lê Văn L có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện khắc phục bồi thường hậu quả. Mặt khác gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình đây là những tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 01, khoản 02 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là có căn cứ và với mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy đối với bị cáo A có nhân thân xấu nên cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết.

Đối với bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 01, khoản 02 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội của bị cáo là nhất thời nên Hội đồng xét xử khoan hồng không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp và đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Biện pháp tư pháp:

Người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và thể hiện đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền 2.250.000 đồng là tiền cầm thế xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 86Z1-35XX. Hiện nay bị cáo L đã trả cho anh U số tiền 1.130.000 đồng, số tiền còn lại anh U không yêu cầu bị cáo A phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra – công an thành phố PT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng theo quy định pháp luật.

Đối với Lê Thị W mặc dù biết A lấy trộm điện thoại và laptop nhưng không báo Công an. Do A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự nên không đủ căn cứ để xử lý W về hành vi không tố giác tội phạm là có cơ sở.

Đối với Võ Thành U do không biết chiếc xe mô tô được gắn biển số 86S1-14XX là tài sản có nguồn gốc phạm pháp nên không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT không có cơ sở xử lý hình sự là đúng theo quy định pháp luật.

Đối với đối tượng tên BB không rõ nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an PT không đủ cơ sở xác minh làm rõ.

Đối với biển số xe 86S1-14XX do bị cáo A mua ở chợ ve chai và gắn vào chiếc xe mô tô của anh Q: kết quả xác minh xác định đây là biển đăng ký được cấp cho xe mô tô có số máy: VME152FMH-C092144, số khung: RMEWCHLME7A092144. Đây là tài sản thuộc sở hữu của ông Lê Văn GG (sinh năm 1967, trú tại: HH, II, huyện JJ, tỉnh BT). Vào năm 2012, ông GG đã cho chiếc xe này cho cháu của ông là anh Lê Hồng KK (sinh năm 1978, trú tại: khu phố Z, phường Phú Tài, TP. PT). Hiện nay do chưa làm việc được với anh KK nên Cơ

quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT tiếp tục tạm giữ để xác minh. Khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

***Căn cứ:** khoản 01 Điều 173; điểm g khoản 01 Điều 52, điểm s khoản 01 Điều 51 Bộ luật hình sự.

***Tuyên bố:** Bị cáo Bùi Thanh A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

***Xử phạt:** Bị cáo Bùi Thanh A 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 05/3/2020.

***Căn cứ:** khoản 01 Điều 323; điểm b, i, s khoản 01 khoản 02 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Lê Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

***Xử phạt:** Bị cáo Lê Văn L 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án (28/5/2020).

Giao bị cáo cho UBND phường D giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 01 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách của án treo: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

*** Về án phí:** áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 01 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Bị cáo Bùi Thanh A, Lê Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/5/2020). Quyền kháng cáo của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo L.

Nơi nhận

- VKSND thành phố Phan Thiết;

TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an thành phố Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Thị Thu Hà